

Số: 61/2020/QĐST- HNGĐ

Mỹ Hào, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu: - Chị Khúc Thị Hương G; Sinh năm: 1986
- Anh Bì Đình P; Sinh năm: 1981

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Cháu Bì Thanh T, Sinh năm: 2004
- Cháu Bì Thanh Th; Sinh năm: 2006
- Cháu Bì P Q, sinh ngày 05/01/2012

Đại diện theo pháp luật cho cháu T, cháu Th: Anh Bì Đình P; Sinh năm: 1981

Đại diện theo pháp luật cho cháu Q: Chị Khúc Thị Hương G; Sinh năm: 1986

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố H, phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Bì Đình P và chị Khúc Thị Hương G kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (Nay là phường P) năm 2004, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện đang cư trú tại thị xã M; chị G, anh P đều làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh chị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự* là đúng thẩm quyền theo quy định

tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Sau khi cưới theo phong tục của địa phương, anh chị về chung sống tại phường P, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; không thống nhất trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung là cháu Bì Thanh T, sinh năm 2004; cháu Bì Thanh Th, sinh năm 2006; cháu Bì P Q sinh ngày 05/01/2012. Anh chị đều thỏa thuận thống nhất, chị G nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên; anh P chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T và cháu Th đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị đã thỏa thuận thống nhất, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Như vậy, việc anh chị thỏa thuận với nhau về việc chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 55, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức*: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bì Đình P và chị Khúc Thị Hương G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Bì Đình P và chị Khúc Thị Hương G xác định có 03 con chung là cháu Bì Thanh Thảo, sinh năm 2004; cháu Bì Thanh Th, sinh năm 2006; cháu Bì P Q, sinh ngày 05/01/2012. Anh chị đều thỏa thuận thống nhất, chị G nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên; anh P chăm sóc và nuôi dưỡng cháu T và cháu Th đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị đã thỏa thuận thống nhất, anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Vì lợi ích của con chung, anh P, chị G có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh P, chị G có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh P, chị G thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Anh P, chị G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Anh P, chị G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Khúc Thị G tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004209 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Chị G đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Tuấn Trọng